

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Lương Anh

Ông Đặng Văn Miện

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ: Hẻm D V, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Hẻm D V, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà B có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện,

có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Trong quá trình chung sống, bà B và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì quan điểm sống khác biệt, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài và ngày càng nghiêm trọng, ông T đã bạo hành tinh thần và cũng có nhiều lần bạo hành về thể chất khiến bà B phải trải qua rất nhiều cú sốc và tổn thương nghiêm trọng về mặt tinh thần, đời sống hôn nhân đi vào bế tắc. Đến nay, bà B và ông T không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án cho bà và ông T được ly hôn.

- Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020. Khi ly hôn, bà B đề nghị giao con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020 cho bà Lê Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà B và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc tổ chức phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do và ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Minh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Trần Minh T. Về con chung, bà B xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020. Khi ly hôn, bà B đề nghị giao con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020 cho bà Lê Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, bà B xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị B, cho bà B được ly hôn với ông Lê Minh T1. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020 cho bà B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Bà B không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nên không đề nghị Toà án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị B và ông Trần Minh T đã đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại Hẻm D V, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T kết hôn vào ngày 21/11/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Trong quá trình chung sống, bà B và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì quan điểm sống khác biệt, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài và ngày càng nghiêm trọng, ông T đã bạo hành tinh thần và cũng có nhiều lần bạo hành về thể chất khiến bà B phải trải qua rất nhiều cú sốc và tổn thương nghiêm trọng về mặt tinh thần, đời sống hôn nhân đi vào bế tắc. Đến nay, bà B và ông T không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn, bà B cương quyết muốn ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà B và ông T đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B, xử cho bà B và ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020. Khi ly hôn, bà B đề nghị giao con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020 cho bà Lê Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên.

Xét thấy, con chung cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013 có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020 dưới 07 tuổi, hiện cả hai cháu đều đang ở với mẹ nên cần giao cháu Trần Lê Thùy D, cháu Trần Lê Thùy C, cho bà B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không đề nghị Toà án xem xét.

- Về tài sản chung: Bà B xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn*” của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn ông Trần Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị B và ông Trần Minh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Thùy D, sinh ngày 25/01/2013; cháu Trần Lê Thùy C, sinh ngày 09/9/2020 cho bà Lê Thị B có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Toà án không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005242 ngày 15/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Lâm Đồng, bà B đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Lương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: Bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



Đào Thị Lương

Nơi nhận:

-
-
-

THẨM PHÁN

Đào Thị Lương

